TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HS-ST
Ngày: 24-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;

2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đăng Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh T, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1995 tại tỉnh Tây Ninh; HKTT: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Huỳnh Thị D; bị cáo có vợ Huỳnh Thị Trúc M và 01 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: tại Bản án số 61/2013/HSST ngày 14/6/2013 Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt Nguyễn Minh T 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", buộc bồi thường cho các bị hại số tiền 27.400.000 đồng; đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/12/2013, do thời điểm phạm tội và bị xét xử chưa đủ 18 tuổi nên được coi là không có án tích; tại Bản án số 45/2019/HS-ST ngày 24/6/2019 Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt Nguyễn Minh T 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", đã chấp hành xong bản án ngày 03/9/2020, đã được xoá án tích; ngày 26/01/2022, có hành vi cùng đồng phạm gây thương tích cho người khác, được bị hại rút đơn yêu cầu xử lý hình sự và được đình chỉ giải quyết vụ án đối với bị cáo tại Bản án số 61/2022/HS-ST ngày 20/7/2022 Toà án nhân dân

huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; tại Bản án số 15/2024/HS-ST ngày 06/02/2024 Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt Nguyễn Minh T 07 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", tổng hợp hình phạt Nguyễn Minh T phải chấp hành 08 năm 09 tháng tù; ngày 23/3/2015 Công an xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh xử phạt Nguyễn Minh T số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý"; bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2023, chuyển tạm giam từ ngày 06/9/2023 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn A, sinh năm 1987 tại Campuchia; nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: biết đọc, biết viết; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: không xác định; con ông Nguyễn Văn M1 (đã chết) và bà Phan Thị M2; bị cáo có vợ Phan Thị Kiều L và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 30/8/2023, chuyển tạm giam từ ngày 06/9/2023 cho đến nay, có mặt.

3. Huỳnh Hữu L1, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2002 tại tỉnh Tây Ninh; HKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hữu S (đã chết) và bà Lê Thị Thu N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không có; tiền sự: có 01 tiền sự: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1157/QĐ-XPHC ngày 25/10/2022 Công an huyện T xử phạt Huỳnh Hữu L1 số tiền 6.500.000 đồng về hành vi "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khoẻ của người khác", chưa nộp phạt, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2023, chuyển tạm giam từ ngày 06/9/2023 cho đến nay, có mặt.

4. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1999 tại tỉnh Tây Ninh; HKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không có; tiền sự: không có; nhân thân: tại Quyết định số 92/QĐ-XPHC ngày 03/5/2018 Công an xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh xử phạt Nguyễn Văn Đ số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý"; tại Quyết định số 47/QĐ-TA ngày 13/5/2019 Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 02/01/2020, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2023, chuyển tạm giam từ ngày 06/9/2023 cho đến nay, có mặt.

5. Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1997 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không

có; tiền sự: không có; nhân thân: Tại Quyết định số 19/QĐ-TA ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Trọng T1 thời hạn 12 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 28/02/2021, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị bắt tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị Gái C1, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bà Cao Thị B1, sinh năm 1972; nơi cư trú: khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 2001, nơi cư trú: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Chị Đặng Thị H1, sinh năm 1980, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Ông Đặng Dương L2, sinh năm1979; nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Chị Cao Thị Phương H2, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ E, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối tháng 6 năm 2023, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Hữu L1 tụ tập đến nơi ở của Nguyễn Minh T, thuộc ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để hoạt động mua bán xe mô tô từ Việt Nam sang Campuchia. Bị cáo Đ và bị cáo L1 được bị cáo T bao ăn ở và sử dụng ma túy tại nhà bị cáo T.

Đến đầu tháng 8 năm 2023, do không còn tiền để mua bán xe mô tô, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài. T rủ A, L1 và Đ đi tìm xe mô tô của người khác để sơ hở, khôngngười trông coi để chiếm đoạt, bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. A và L1 đồng ý thực hiện cùng bị cáo T. Riêng bị cáo Đ không trực tiếp đi trộm mà làm nhiệm vụ mang xe mô tô đi tiêu thụ. Các bị cáo thống nhất sử dụng xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại SATRIA,

gắn biển số: 70K1- 226.68, số máy: CGAI-ID152992, số khung: MH8DLUAZHJ152950 của bị cáo T để làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội. Xe mô tô nêu trên là của anh Kim M3, sinh năm 1992, ngụ ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh bị mất trộm vào tháng 6 năm 2023, tại chung cư P, thuộc khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Bình Dương đang thụ lý điều tra. T đặt mua xe này trên mạng xã hội Facebook của người tên T2 (không rõ lai lịch) vào tháng 6 năm 2023, với giá 8.000.000 đồng. Khi mua, xe không có biển số và không có giấy chứng nhận đăng ký. Sau khi mua, T lên mạng xã hội Facebook đặt mua biển số giả, có số 70K1-334.09 gắn vào xe và lên mạng xã hội Zalo đặt mua một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả mang tên Nguyễn Minh T với giá 1.500.000 đồng để sử dụng. T không biết tên người bán biển số giả và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả cho T. T cũng không nhớ tên tài khoản Facebook, Z đã liên hệ và đã xóa mọi thông tin liên lạc mua bán.

Trước khi đi trộm, T và A tự làm đoản để bẻ ổ khóa công tắc xe mô tô. Khi đi trộm thì T trực tiếp bẻ ổ khóa lấy trộm xe, A và L1 làm nhiệm vụ cảnh giới. Từ ngày 18/8/2023 đến ngày 29/8/2023, các bị cáo đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 04 giờ ngày 18/8/2023, T chở A bằng xe mô tô gắn biển số 70K1-226.68 đi từ nhà T đến địa bàn huyện T tìm xe mô tô để lấy trộm. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, các bị cáo đi đến trước nhà chị Nguyễn Thị Gái C1, sinh năm 1989, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh phát hiện xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE alpha, màu: trắng-đen- bạc, biển số 70H1-365.14, số máy JA39E0573780, số khung RLHJA390THY598635 của chị C1 để trước mái hiên nhà anh Đặng Văn B2, sinh năm 1982 (ở sát nhà chị C1), chìa khóa để trên xe. A ở bên ngoài cảnh giới, T lén lút đi đến chỗ để xe, lấy trộm xe, chạy về nhà T. Khi về đến nhà, T giao xe cho Đ và L1 rửa xe. Khi rửa, Đ và L1 mở cốp xe thấy bên trong có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020263 mang tên Đặng Thị H1, biển số xe được đăng ký là 70H1-365.14; 05 USD và 11.000 Ria. A lấy 05 USD và 11.000 Ria để sử dụng, Giấy chứng nhận đăng ký xe thì ném lại trong nhà T. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T và Đ mang xe đến khu vực biên giới bán cho người đàn ông Campuchia tên B3 (không rõ lai lịch) với giá 9.200.000 đồng. T chia cho Đ 500.000 đồng, chia cho A 4.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 04 giờ 27/8/2023, T điều khiển xe mô tô của T đi từ nhà T đến trước nhà A để chở A đi trộm cắp tài sản. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, các bị cáo đi đến khu vực đập tràng thuộc ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh phát hiện xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE alpha, màu xám-đen-bạc, biển số 86B8-256.57, số máy HC12E5765876, số khung 1215DY765766 của bà Cao Thị B1, sinh năm 1972, ngụ khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để trên đường, đi vào ruộng mướp để bán vé số. Lúc này, T cảnh giới, A lén lút đi đến chỗ để xe, dùng đoản mang theo bẻ khóa công tắc khởi động xe mô tô, chạy về nhà T. Khi về đến nhà, T giao cho Đ và L1 rửa xe. Đến khoảng

15 giờ cùng ngày, T và Đ mang xe mô tô đến khu vực biên giới bán cho người đàn ông Campuchia tên Bộ với giá 6.900.000 đồng. T chia cho Đ 500.000 đồng, chia cho A 2.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 05 giờ ngày 29/8/2023, T điều khiển xe mô tô của T chở L1 đi từ nhà T đến địa bàn huyện T, tỉnh Tây Ninh để trộm cắp xe mô tô. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, các bị cáo phát hiện xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS màu vàng đen, biển số 70H1-185.11 của anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1982, ngụ ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để trên lề đường ĐT 781B (thường gọi là đường 785) thuộc ấp G, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Thấy anh P đang làm công việc ở cách xa xe. L1 cảnh giới, T lén lút đi đến dùng đoản bẻ khóa công tắc, lấy trộm xe chạy đi. T kêu L1 chạy theo đến nhà Nguyễn Trọng T1 thuộc ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tại đây, T1 đang ngủ trong phòng và chị Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1990 là chị ruột của bị cáo T1 đang ngồi trong nhà bếp. T vào nhà bếp gặp chị T3 nói: "cho anh đẩy xe vào nhà nha". Lúc này, chị T3 không nhìn thấy xe mô tô nhưng vẫn đồng ý. T kêu L1 đẩy xe mô tô vừa trộm được của anh Nguyễn Hoàng P vào phòng khách và L1 tháo biển số xe bỏ vào túi đồ màu đen đang treo sẵn trên xe của anh P. Khi T xách túi đồ đi ra sau nhà T1 để bỏ thì phát hiện trong túi có điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 của anh P nên T lấy điện thoại và bỏ túi đồ sau nhà T1. Sau đó, T đi vào nhà bếp nói chuyện với chị T3. Khi chị T3 hỏi xe ở đâu mà có thì bị cáo T nói: "xe anh mới lấy về đó". Do T giới thiệu làm nghề mua bán xe nên chị T3 nghĩ là xe T mới mua nên chị T3 không hỏi gì thêm và vẫn ngồi trong nhà bếp. Lúc này, T đi đến phòng ngủ kêu Trí thức dậy và nói rõ cho T1 biết sự việc T vừa trộm xe mô tô biển số 70H1-185.11 và nói cho T1 biết ý định của T là muốn cho chị T3 chiếc xe này để làm phương tiện đi lại, dặn T1 phải thay đổi đặc điểm nhận dạng của xe để tránh bị phát hiện, T1 đồng ý. Sau khi T1 đồng ý, T đi đến nhà bếp nói với cho chị T3 biết bị cáo T cho chị T3 chiếc xe nêu trên vì vào ngày 27/8/2023, chị T3 có điện thoại nhờ bị cáo T mua giúp chiếc xe mô tô cũ, giá rẻ để chị T3 sử dụng. Tuy nhiên, chị T3 từ chối nhận chiếc xe nêu trên vì chị T3 đang có song thai, cộng với việc bị bệnh xuyễn từ nhỏ nên cơ thể suy nhược, muốn đi xe tay ga cho khỏe. Vì vậy, T hứa sẽ tìm mua cho chị T3 chiếc xe mô tô, loại tay ga. Sau đó, T đi đến phòng khách nói cho T1 biết việc chị T3 không đồng ý nhận xe và nói với T1 cho T gửi lại chiếc xe đã trộm của anh P để đến tối cho Đ và L1 đến lấy đem đi bán sang Campuchia. T1 đồng ý và kêu T đẩy xe sát vào vách nhà để tránh có người nhìn thấy xe. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe mô tô của T chở bị cáo L1 đi về.

Vụ thứ tư: Khoảng 12 giờ ngày 29/8/2023, T chở bị cáo L1 tiếp tục đi tìm xe mô tô để lấy trộm, khi chạy ngang qua trại giữ vườn của ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1962, thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh phát hiện xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE màu trắng, biển số 70H1- 391.15 của anh Nguyễn Văn K, sinh năm 2001, ngụ ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để trên hàng ba của trại nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T giao lại điện thoại lấy trộm của anh Nguyễn Hoàng P cho L1 cất giữ. L1 ở ngoài đường cảnh giới, T lén lút

đi đến chỗ để xe của anh K dùng đoản bẻ khóa công tác xe. Lúc này, anh Đỗ Nhựt T4, sinh năm 1988, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh điều khiển xe mô tô đi ngang phát hiện hành vi lén lút của T đã cảnh giác. Đến khi T bẻ khóa xe chạy ra đường thì anh T4 đã truy hô và cùng người dân gần đó truy đuổi theo bắt quả tang T. L1 điều khiển xe mô tô của T chạy về nhà T. Trong lúc L1 đang tháo biển số: 70K1-226.68 gắn trên xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại SATRIA của T để thay biển số khác thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T phát hiện, bắt giữ.

Quá trình điều tra, các bị can đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, các bị cáo còn khai nhận: Vào sáng một ngày khoảng đầu tháng 8/2023, T chở A bằng xe mô tô của T đi từ nhà T đến địa bàn huyện D, tỉnh Tây Ninh tìm xe mô tô để lấy trộm. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, các bị cáo phát hiện xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE alpha, màu xanh ngọc của một người đàn ông đang làm ruộng để trên bờ kênh sát ruộng lúa thuộc xã P, huyện D, không người trông coi. A cảnh giới, T đi bộ đến chỗ để xe dùng đoản mang theo bẻ khóa công tắc, khởi động xe mô tô chạy về nhà T. Khi về nhà, T giao xe cho Đ và L1 rửa xe. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T và Đ mang xe đến khu vực biên giới bán cho người đàn ông Campuchia tên Bộ với giá 9.200.000 đồng. T chia cho bị can Đ 500.000 đồng, chia cho A 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, T và b A không xác định được địa điểm đã lấy trộm xe mô tô nêu trên. Xác minh tại Công an xã P, huyện M, tỉnh Tây Ninh xác định không có người đến trình báo bị mất trộm xe như nêu trên. Ngoài lời khai của các bị cáo, không có chứng cứ nào khác để chứng minh. Do đó, không có cơ sở xử lý.

Kết quả định giá tài sản:

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 55/KL-HĐĐGTS ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự huyện T, kết luận:

+ Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE alpha, màu: trắng- đen- bạc, biển số: 70H1-365.14, số máy: JA39E0573780, số khung: RLHJA3901HY598635 của Nguyễn Thị Gái C1 trị giá 10.440.000 đồng;

+ Tiền đô la Mỹ: 05 USD (năm đô la) của Nguyễn Thị Gái C1 trị giá 117.850 đồng;

+ Tiền Campuchia: 11.000Ria (mười một nghìn Ria) của Nguyễn Thị G Các trị giá 64.350 đồng;

+ Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu: vàng- đen, biển số: 70H1-185.11, số máy: 5C64-412557, số khung: CS5C64BY412555 của ông Nguyễn Hoàng P trị giá 6.000.000 đồng;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31, màu xanh, 128GB, số IMEI1: 860646044993433 của ông Nguyễn Hoàng P trị giá 2.245.000 đồng;

+ Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE alpha, màu: trắng, biển số: 70H1- 391.15, số máy: JA39E0837121, số khung: RLHJA3904HY857005 của ông Nguyễn Văn K, trị giá: 10.500.000 đồng;

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐG ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Tây Ninh kết luận: xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE alpha, màu xám đen bạc, biển số: 86B8-256.57, số máy: HC12E5765876, số khung: 1215DY765766 của bà Cao Thị B1 tại thời điểm ngày 27/8/2023, trị giá là 10.000.000 đồng.

Kết quả trưng cầu giám định:

- Tại Bản kết luận giám định số: 1455/KL-KTHS ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu giấy "CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE MÁY" Số: 038262, tên chủ xe: NGUYỄN MINH T, Địa chỉ: ấp Đ, T, T, Tây Ninh, biển số đăng ký 70K1-334.09, cấp ngày 15 tháng 01 năm 2017 cần giám định là mẫu giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả.

- Tại Bản kết luận giám định số: 1456/KL-KTHS ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại SATRIA, số máy: CGA1-ID152992, số khung: MH8DL11AZHJ152950. Số khung, số máy không bị đục xóa.

* Vật chứng vụ án:

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VISION, biển số: 73H1-545.14, số máy JK03E-0017307, số khung RLHJK030XMY011217. Bản kết luận giám định số khung, số máy xe và bản ảnh (bản gốc).

01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020263 mang tên Đặng Thị H1 (bản gốc)

- 05 biển số xe mô tô, có các số như sau: 70K1-126.86; 70K1-334.09; 70K1363.38; 70K1-212.36; 70K1-323.56

- Điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A20, số IMEI: 355039102778189

- Điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi 9A, số IMEI: 860823349605/78

- Điện thoại di động, nhãn hiệu HUAWEI, số IMEI: 860522040972525, góc trên bên trái và góc dưới bên phải màn hình bị bể kính

- Điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO Y22S, số IMEI: 866855068439173

- Điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, đã bị hư hỏng, nắp lưng đã bị hở, không khởi động được, không kiểm tra được thông tin máy và số IMEI.

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Văn K đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bồi thường.

Bị hại Cao Thị B1 yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Thị Gái C1 yêu cầu bồi thường số tiền 10.440.000 đồng. Các bị cáo chưa bồi thường.

* Kê biên tài sản: Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Trọng T1 không có tài sản riêng có giá trị nên không tiến hành kê biên.

Cáo trạng số 16/CT-VKSTB, ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Trọng T1 về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; các bị cáo Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Trọng T1 về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự đề nghị tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh T. Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp bản án đối với bị cáo T.

3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A mức án từ 30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

4. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu L1 mức án từ 30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

5. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 tháng (ba mươi) tháng tù.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T1 mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện:

Vào khoảng đầu tháng 8/2023 Nguyễn Minh T lên mạng xã hội Facebook đặt mua 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại SATRIA, gắn biển số 70K1-226.68 , T lên mạng Facebook đặt biển số 70K1-334.09 gắn vào xe và lên mạng Zalo đặt mua 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Minh T. Kết luận giám định số 1455/KL-KTHS ngày 19/9/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Mẫu giấy "CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE MÁY" số: 038262, tên chủ xe: NGUYỄN MINH T, địa chỉ: ấp Đ, T, T, Tây Ninh, biển số đăng ký 70K1-334.09 cấp ngày 15 tháng 01 năm 2017 là mẫu giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả. Nguyễn Minh T dùng xe mô tô này để đi trộm cắp tài sản.

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/8/2023 đến ngày 29/8/2023, trên địa bàn huyện T và huyện T, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Minh T rủ Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1 và Nguyễn Văn Đ đi trộm cắp tài sản của người khác. A và L1 đồng ý, Đ không trực tiếp đi trộm mà làm nhiệm vụ rửa xe và mang xe đi bán, cụ thể như sau:

Các ngày 18/8 và 27/8/2023 Nguyễn Minh T cùng với Nguyễn Văn A lén lút trộm cắp của chị Nguyễn Thị Gái C1 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE alpha, biển số 70H1-365.14 trị giá 10.440.000 đồng, 05 đô la Mỹ trị giá 117.850 đồng và tiền Campuchia 11.000 Ria trị giá 64.350 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE alpha, biển số 86B8-256.57 của bà Cao Thị B1 trị giá 10.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản T và A chiếm đoạt là 20.622.000 đồng. Đến ngày 29/8/2023 Nguyễn Minh T cùng với Huỳnh Hữu L1 lén lút trộm cắp của anh Nguyễn Hoàng P 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, biển số 70H1.185.11 trị giá 6.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 trị giá 2.245.000 đồng; 01 xe HONDA, loại WAVE, biển số 70H1-391.15 của anh Nguyễn Văn K trị giá 10.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T và L1 chiếm đoạt là 18.745.000 đồng. Đối với 02 vụ do T và A thực hiện thì Huỳnh Hữu L1 và Nguyễn Văn Đ không tham gia nhưng có hành vi giúp Nguyễn Minh T rửa xe vừa trộm cho sạch để T và Đ mang xe đi bán.

Ngày 29/8/2023 Nguyễn Trọng T1 không hứa hẹn trước, biết rõ xe mô tô biển số 70H1-185.11 do Nguyễn Minh T và Huỳnh Hữu L1 trộm cắp mà có nhưng T1 vẫn đồng ý cho T gửi xe lại trong nhà mình thuộc ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh T đã có đủ yêu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản"* và tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ đã có đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng T1 có đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Bản Cáo trạng số 16/CT-VKSTB, ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Trọng T1 về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm pháp luật hình sự đối với hành vi đã gây ra.

[4] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Minh T là người chủ mưu, phân công nhiệm vụ cho các bị cáo khác và sử dụng xe mô tô biển số 70K1-226.68, giấy chứng nhận giả để làm phương tiện khi thực hiện các vụ trộm. Bị cáo là người trực tiếp thực hiện các vụ trộm và mang đi bán nên cần xử bị cáo mức án cao nhất trong số các bị cáo.

Bị cáo L1 tham gia cùng bị cáo T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, L1. Đối với 02 vụ do T và A thực hiện, bị cáo L1, Đ không tham gia nhưng có hành vi giúp sức cho T rửa xe cho sạch để T và Đ mang đi bán. Bị cáo Đ có nhân thân xấu, bị cáo L1 có 01 tiền sự nên cần xử bị cáo L1, Đ mức án ngang nhau nhưng thấp hơn bị cáo T.

Đối với bị cáo A: Bị cáo cùng với bị cáo T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, bị cáo không có tiền án tiền sự nên cần xử bị cáo A thấp hơn bị cáo L1, Đ.

Đối với bị cáo T1 không hứa hẹn trước nhưng khi biết rõ xe do bị cáo T trộm thì bị cáo đồng ý cho T để nhờ xe nên cần xử bị cáo mức án tương xứng.

[5] Khi quyết định hình phạt, cần xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo:

Tình tiết tặng nặng: Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú ra lần phạm tội trước đó nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Minh T thành khẩn khai báo, tự thú ra các lần phạm tội trước đó nên đối với tội trộm cắp tài sản được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Trọng T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Nhân thân: Bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn Đ có nhân thân xấu.

[7] Về hình phạt áp dụng: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ; nhân thân của bị cáo thấy rằng cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Nguyễn Minh T bị Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, Tây Ninh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", bị cáo đã có quyết định thi hành án phạt tù nên cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của cả 02 bản án đối với bị cáo.

[8] Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về bồi thường thiệt hại:

Các bị hại Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Văn K đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên ghi nhận.

Cần buộc các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ liên đới bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị G Cúc số tiền 10.440.000 đồng. Trong đó: bị cáo T bồi thường cho chị C1 số tiền 4.000.000 đồng; bị cáo A bồi thường cho chị C1 số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo Đ bồi thường cho chị C1 số tiền 2.000.000 đồng; bị cáo L1 bồi thường cho chị C1 số tiền 1.440.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Cao Thị B1 số tiền 10.000.000 đồng. Trong đó: bị cáo T bồi thường cho bà B1 số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo A bồi thường cho bà B1 số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo Đ bồi thường cho bà B1 số tiền 2.000.000 đồng; bị cáo L1 bồi thường cho bà B1 số tiền 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo T bồi thường là 8.000.000 đồng; số tiền bị cáo A bồi thường là 6.000.000 đồng; số tiền bị cáo Đ bồi thường là 4.000.000 đồng; bị cáo L1 bồi thường là 2.440.000 đồng.

[10] Xử lý vật chứng:

[10.1] Tịch thu tiêu huỷ: 05 biển số xe mô tô, có các số như sau: 70K1-126.86; 70K1-334.09; 70K1363.38; 70K1-212.36; 70K1-323.56.

[10.2] Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tài sản của các bị cáo liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội gồm:

Điện thoại di động, nhãn hiệu HUAWEI, số IMEI: 860522040972525, góc trên bên trái và góc dưới bên phải màn hình bị bể kính của bị cáo Nguyễn Minh T.

Điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, đã bị hư hỏng, nắp lưng đã bị hở, không khởi động được, không kiểm tra được thông tin máy và số IMEI của bị cáo Nguyễn Văn A.

[10.3] Tài sản của bị cáo bị tạm giữ không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án gồm:

Điện thoại di động, nhãn hiệu S1 A20, số IMEI: 355039102778189 và xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VISION, biển số: 73H1-545.14, số máy JK03E-0017307, số khung RLHJK030XMY011217. Bản kết luận giám định số khung, số máy xe và bản ảnh (bản gốc) của bị cáo Huỳnh Hữu L1.

Điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi 9A, số IMEI: 860823349605/78 của bị cáo Nguyễn Minh T.

Điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO Y22S, số IMEI: 866855068439173 của bị cáo Nguyễn Văn Đ.

[10.4] Tài sản của bị hại không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại:

01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020263 mang tên Đặng Thị H1 (bản gốc) cho chị Nguyễn Thị Gái C1.

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Trọng T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Minh T chịu 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; buộc các bị cáo Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; các bị cáo Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" bị cáo Nguyễn Trọng T1 phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

1.1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 29/8/2023.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 29/8/2023.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo Nguyễn Minh T chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 29/8/2023.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" tại Bản án số 15/2024/HS-ST ngày 06-02-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chấp hành chung của 02 bản án là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 29/8/2023.

1.3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu L1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 29/8/2023.

1.4. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 29/8/2023.

1.5. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 30/8/2023.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ liên đới bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị G Cúc số tiền 10.440.000 đồng. Trong đó: bị cáo T bồi thường cho chị C1 số tiền 4.000.000 đồng; bị cáo A bồi thường cho chị C1 số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo Đ bồi thường cho chị C1 số tiền 2.000.000 đồng; bị cáo L1 bồi thường cho chị C1 số tiền 1.440.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Cao Thị B1 số tiền 10.000.000 đồng. Trong đó: bị cáo T bồi thường cho bà B1 số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo A bồi thường cho bà B1 số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo Đ bồi thường cho bà B1 số tiền 2.000.000 đồng; bị cáo L1 bồi thường cho bà B1 số tiền 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo T bồi thường là 8.000.000 đồng; số tiền bị cáo A bồi thường là 6.000.000 đồng; số tiền bị cáo Đ bồi thường là 4.000.000 đồng; bị cáo L1 bồi thường là 2.440.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

[3.1] Tịch thu tiêu huỷ: 05 biển số xe mô tô, có các số như sau: 70K1-126.86; 70K1-334.09; 70K1363.38; 70K1-212.36; 70K1-323.56.

[3.2] Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tài sản của các bị cáo liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội gồm:

Điện thoại di động, nhãn hiệu HUAWEI, số IMEI: 860522040972525, góc trên bên trái và góc dưới bên phải màn hình bị bể kính của bị cáo Nguyễn Minh T.

Điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, đã bị hư hỏng, nắp lưng đã bị hở, không khởi động được, không kiểm tra được thông tin máy và số IMEI của bị cáo Nguyễn Văn A.

[3.3] Tài sản của bị cáo bị tạm giữ không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án gồm:

Điện thoại di động, nhãn hiệu S1 A20, số IMEI: 355039102778189 và xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VISION, biển số: 73H1-545.14, số máy JK03E-0017307, số khung RLHJK030XMY011217. Bản kết luận giám định số khung, số máy xe và bản ảnh (bản gốc) của bị cáo Huỳnh Hữu L1.

Điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi 9A, số IMEI: 860823349605/78 của bị cáo Nguyễn Minh T.

Điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO Y22S, số IMEI: 866855068439173 của bị cáo Nguyễn Văn Đ.

[3.4] Tài sản của bị hại không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại:

01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020263 mang tên Đặng Thị H1 (bản gốc) cho chị Nguyễn Thị Gái C1.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc các Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Trọng T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Minh T chịu 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; buộc các bị cáo Nguyễn Văn A, Huỳnh Hữu L1, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án

nhân dân tỉnh Tây Ninh để xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án ./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- PKTNV- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Cơ quan THAHS;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TN;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.(P)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phương